

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH PHÚ THỌ**
Số: 26/2019/QĐST-DS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
V, ngày 18 tháng 9 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 11 tháng 9 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số:70/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP N

Địa chỉ: số 198 phố Trần Quang K, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Văn Tiến T – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP N chi nhánh Phú Thọ.

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Quốc T – Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng TMCP N chi nhánh Phú Thọ.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Xuân Đ – Sinh năm 1972

ĐKHKTT: phố T, phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Khu 7, phố M, phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Phạm Thị Lan H – Sinh năm 1977

+ Ông Phạm Quang L – Sinh năm 1937 và bà Đào Thị Minh V – Sinh năm 1940

Đều ĐKKHKT tại: Khu T, phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Chị H hiện ở: Khu 7, phố M, phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Nguyễn Xuân Đ có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Phú Thọ số tiền: 287.075.199VNĐ (Hai trăm tám mươi bảy triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn một trăm chín mươi chín đồng), trong đó nợ gốc 227.500.000 VNĐ (Hai trăm hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng), nợ lãi quá hạn 49.775.727 VNĐ (Bốn mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn bảy trăm hai mươi bảy đồng), lãi chậm trả 9.799.472 VNĐ (Chín triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn bốn trăm bảy mươi hai đồng).

Các bên thống nhất thỏa thuận pH án trả nợ như sau:

- Ngày 31/12/2019, anh Đ trả cho Ngân hàng Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Phú Thọ số tiền gốc 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

- Ngày 30/6/2020, anh Đ trả cho Ngân hàng Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Phú Thọ số tiền gốc 127.500.000đ (Một trăm hai bảy nghìn năm trăm nghìn đồng) và lãi 59.575.199đ (Năm mươi chín triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn, một trăm chín mươi chín đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng

Đến hạn thanh toán mà anh Đ không thanh toán thì anh Đ còn phải tiếp tục trả lãi đối với số tiền chậm trả theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi trả nợ xong.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: chị H, ông L và bà V nhất trí với pH án trả nợ cho Ngân hàng Ngân hàng TMCP Ngoại TH – Chi nhánh Phú Thọ của anh Đ.

Các bên thống nhất thỏa thuận: Duy trì Hợp đồng thế chấp số 14/BDS/286 ngày 20/6/2014 giữa ông Phạm Quang L, bà Đào Thị Minh V và Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh Phú Thọ để đảm bảo thi hành án. Nếu đến hạn thanh toán của bất kỳ kỳ trả nợ nào, nếu anh Đ không trả được số tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh Phú Thọ thì Ngân hàng TMCP N có quyền đề nghị phát mại và xử lý tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số : AB 220374 do UBND Thành Phố V cấp ngày 10/01/2005 chủ sử dụng là Ông Phạm Quang L và Bà Đào Thị Minh V để đảm bảo việc trả nợ và thi hành án.

****Về án phí dân sự sơ thẩm:***

Anh Đ tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 7.176.800đ (Bảy triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn tám trăm đồng).

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền 6.700.000đ (Sáu triệu bảy trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003095 ngày 12/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS TP
- Chi cục THA DS;
- Các đương sự;
- L HS, VP.

THẨM PHÁN

Lý Thị Thanh Huyền